TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2023/QĐST-HNGĐ.	*Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Chí Nguyện.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16-01-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 05/2023/ TLST-HNGĐ ngày 10-01-2023, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐPH-ST ngày 11-01-2023, giữa các đương sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị N.T.Hiền, sinh năm: 1982;

Hộ chiếu số B7375323 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 10-01-2013

Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Căn hộ số 12*0, Tòa V1, Chung cư Home City, Tổ 45 phố T.K, phường Y.H, quận C.G, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Tầng 4 số 3 ngõ 16 phố L, quận Da*n, thành phố Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc).

Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người đại diện cho chị N.T.Hiền nhận Văn bản tố tụng của Tòa án *(theo Giấy ủy quyền Số chứng thực 147-12 lập ngày 29-12-2022 tại Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc)*: Anh P.Đ.P, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn L, huyện Y.Y, tỉnh Nam Định.

Có mặt.

- Anh H.K.Trung, sinh năm: 1980; Căn cước công dân số 022080000137 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04-02-2022.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Căn hộ số 1210 V1, Chung cư Home City, Tổ 45 phố T.K, phường Y.H, quận C.G, Thành phố Hà Nội.

Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Chị N.T.Hiền và anh Hoàng Trung Kiên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27-8-2011 tại Ủy ban nhân dân xã T.Q, huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt; cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau.

Năm 2017, chị Hiền đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay không về nước; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6-2017 đến nay không còn liên hệ gì với nhau. Nay, anh Trung và chị Hiền đều xác định: Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt và không thể kéo dài tình trạng hôn nhân xa cách nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu H.T.Phong, sinh ngày 30-11-2008; hiện cháu Phong đang chung sống cùng anh Trung. Khi ly hôn vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cháu Phong cho anh Trung tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị Hiền tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trung mức 2.000.000đ/ tháng *(Hai triệu đồng/tháng)*.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về lệ phí ly hôn: Anh H.K.Trung tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp:

Chị N.T.Hiền có đơn xin giải quyết vắng mặt do đang ở nước ngoài, không thể về Việt Nam và ủy quyền cho anh P.Đ.P nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Anh H.K.Trung có mặt và trình bày: Việc anh Trung và chị Hiền thỏa thuận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn của vợ chồng để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự; người yêu cầu là chị N.T.Hiền đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Quyền và nghĩa vụ các đương sự đã được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên họp.

Về nội dung: Nội dung các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu H.T.Phong, sinh ngày 30-11-2008, hiện con chung đang ở với anh Trung, do vậy công nhận sự thỏa thuận của vợ chồng về việc giao con chung cho anh Trung là phù hợp. Ghi nhận việc chị Hiền tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trung với mức đóng góp 02 (Hai) triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí, lệ phí: Ghi nhận việc anh H.K.Trung tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn; chị N.T.Hiền phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Căn cứ ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự là việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ việc có đương sự là chị N.T.Hiền đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người yêu cầu là chị N.T.Hiền có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đã có văn bản ủy quyền cho anh P.Đ.P nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

Anh P.Đ.P là đại diện theo ủy quyền của chị N.T.Hiền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh Phúc có mặt, đồng ý nhận sự ủy quyền của chị Hiền, cam kết giao văn bản cho chị Hiền.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình cảm: Anh H.K.Trung kết hôn với chị N.T.Hiền là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27-8-2011 tại Ủy ban nhân dân xã T.Q, huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Các đương sự đều xác nhận: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 6-2017 đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau. Chị Hiền đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2017 đến nay và vợ chồng cũng không liên lạc với nhau nữa.

Nay, anh Trung và chị Hiền đều xác định: Vợ chồng không còn tình cảm, thời gian sống ly thân đã kéo dài nhiều năm; mục đích hôn nhân không đạt được nên đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc các đương sự thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh H.K.Trung và chị N.T.Hiền đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu H.T.Phong, sinh ngày 30-11-2008. Cháu Phong chung sống cùng anh Trung kể từ tháng 6-2017 đến nay; chị Hiền đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên việc các đương sự thỏa thuận giao cháu Phong cho anh Trung tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nên công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Căn cứ quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận sự thỏa thuận: Giao cháu H.T.Phong cho anh H.K.Trung trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị Hiền đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trung mức 2.000.000đ/ tháng *(Hai triệu đồng/tháng)*.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Trung và chị Hiền đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ly hôn: Ghi nhận việc anh H.K.Trung tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự; chị Hiền tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 50% tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 149; Điều 370, Điều 371 và Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H.K.Trung và chị N.T.Hiền. Anh H.K.Trung và chị N.T.Hiền chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu H.T.Phong, sinh ngày 30-11-2008. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Giao cháu H.T.Phong cho anh H.K.Trung trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị N.T.Hiền tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi chung cùng anh Trung mức 2.000.000đ/tháng *(Hai triệu đồng/tháng)*; thời gian chị Hiền đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 01-2023 cho đến khi cháu Phong trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị N.T.Hiền được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Trung và chị Hiền đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét. Dành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung vợ chồng cho các đương sự trong một vụ án khác (nếu có).

4. Về án phí, lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ghi nhận việc anh H.K.Trung tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001332 ngày 09-01-2023 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Anh H.K.Trung đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Chị N.T.Hiền phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 16-01-2023./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Hà Nội;
- Cục THADS TP.HN;
- UBND xã T.Q, h.Y.S, t.Tuyên Quang;
- Người yêu cầu;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Chí Nguyện